

Số: 99 /2020/QĐST- HNGĐ

*Tam Nông, ngày 02 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số:140/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa:  
Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Minh V**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 22, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 22, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Minh V và anh Nguyễn Tiến D.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về con chung:* Chị V và anh D thống nhất thỏa thuận:

+ Giao con chung ☐a thành niên là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 09/9/2012 cho anh Nguyễn Tiến D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao con chung ☐a thành niên là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Nguyễn Minh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị V, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị V, anh D ☐đợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai ☐đợc quyền cản trở.

*Về tài sản chung:* Chị V và anh D xác nhận vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nay không còn tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản riêng; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp:* Chị V và anh D đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị V tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002699 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị V 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND xã Vạn Xuân;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Thị Thu Huyền**